

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	TD3+TD1+TTC3	7:25	21+1+0	0+0+0		16+2+0	0+0+0	TRANS 4 PAX TD1-TTC3
2	410	PPD+TD5+RP1	7:25	10+12+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
3	424	JS2+P4+P6	7:25	17+5+0	0+0+0		14+6+2	0+0+0	
4	420	RP3+PVD1+RC4	7:25	16+6+0	0+0+0		10+2+10	0+0+0	
5	426	P4+CTK3	9:25	20+2	0+0		13+9	0+0	
6	410	PPD+P11+P4	9:25	14+4+4	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
7	420	PPD+RP3	9:25	12+10	0+0		0+22	0+0	
8	424	PPD+C10+TTC3	11:25	22+0+0	0+0+0		16+1+4	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/NGUOI TD5 VỀ BỜ QUA TD3 2/ ATC4 TỪ TD1 SANG TTC3 VỀ BỜ CHUYỂN CUỐI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2017	TO: TD3 - TD1 - TTC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHài - VThắng - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU QUYET THANG	TD3	14	1	10	.15	68	KHOAN	Vietnamese
2	BUI QUANG DANG	TD3					77	KHOAN	Vietnamese
3	FILIPPOV NIKOLAY	TD3	01	1	20		84	KHOAN	Russian
4	VO LE DUY TAN	TD3	13	1	7		84	KHAON	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THANG	TD3					87	KHOAN	Vietnamese
6	DANG HUY LONG	TD3	03	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CONG HOAN	TD3	09	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DAI DUONG	TD3	16	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
9	DANG DINH DINH	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
10	KHONG QUOC HUNG	TD3	06	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG NGOC NGHIA	TD3	05	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
12	DAO LE XUAN SON	TD3	20	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUC THANG	TD3	07	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
14	LE NGOC BINH	TD3	15	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
15	PHUNG VAN XUYEN	TD3	08	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGO QUANG PHUC	TD3	02	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
17	HA KHUONG DUY	TD3	17-18	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
18	VU VAN TRUNG	TD3	22-23	2	13	25	75	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NAM	TD3	21	1	14		76	DVL	Vietnamese
20	DINH VIET DUNG	TD3	10-12	3	12		50	DVL	Vietnamese
21	LE DUC TAI	TD3	04	1	5		67	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN ANH HUNG	TD1	74	1	13		75	CO DIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	22	149	1.518	40	16		
2	TD1	1	1	13	75	0	2 + 4		CHUYEN 4 PAX TU TD1 SANG TTC3
3	TTC3	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>162</b>	<b>1.593</b>	<b>40</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>162</b>	<b>1.593</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-Sep-17	TO: PPD - TD5 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Thanh - Khang - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	PPD	05-06	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGÔ KIM NGHIỆP	PPD	04	1	15		78	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ VĂN DŨNG	PPD	02-03	2	10		65	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN	PPD	09	1	12	60	70	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC MINH	PPD	13	1	10	35	65	CODIEN	Vietnamese
6	LAM NHỰT MINH	PPD	12	1	10		64	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ ANH TUẤN	PPD	11	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
8	BUI ANH TUẤN	PPD	01	1	8		82	KHI	Vietnamese
9	PHẠM TÀI	PPD	10	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THÀNH	PPD	08	1	5		53	KHI	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THĂNG	TD5	95	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD5	93	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	87	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
14	PHẦN HOÀNG LAM	TD5	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	PHẦN TRÚC TUYẾN	TD5	85	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	94	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	88	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ TIẾN DŨNG	TD5					70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TŨE	TD5	90	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	92	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	91	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	89	1	3		60	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	12	97	682	95	0		
2	TD5	12	11	47	810	0	15		
3	RP1	0	0	0	0	40	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>144</b>	<b>1.492</b>	<b>135</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>144</b>	<b>1.492</b>	<b>135</b>			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2017	TO: RP3 - PVD1 - RC4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOANG THI	RP3	47	1	9	20	65	KHOAN	Vietnamese
2	MAI TUAN KIET	RP3	51	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU LUAN	RP3	48	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGO DUY NGOC	RP3	50	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUC VIET	RP3	49	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN DOANH	RP3	45	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM DINH TUAN	RP3	36	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LAM TIEN PHI	RP3	41	1	3		73	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN SANG	RP3	39	1	4		57	KHI	Vietnamese
10	TRAN VAN SEN	RP3	43-44	2	12		72	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	42	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	HO VAN LUONG	RP3	38	1	3		67	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TOAN	RP3	35	1	2		87	KHI	Vietnamese
14	HOANG CONG QUAN	RP3	52	1	10		87	KHI	Vietnamese
15	DUONG HONG QUAN	RP3	37	1	3		72	KHI	Vietnamese
16	PHAM VAN LAP	RP3	40	1	5		56	KHI	Vietnamese
17	PHAM VAN DAM	PVD1	73	1	7		70	DVL	Vietnamese
18	VU DINH QUANG	PVD1	79	1	10		65	DVL	Vietnamese
19	PHAM VAN CUONG	PVD1	74-75	2	13		81	DVL	Vietnamese
20	PHAM VAN SANG	PVD1	72	1	14		67	DVL	Vietnamese
21	DOAN MINH HUONG	PVD1	78	1	10		60	DVL	Vietnamese
22	VU HOANG TAN	PVD1	76-77	2	17		82	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	17	103	1.090	20	10		
2	PVD1	6	8	71	425	0	2		
3	RC4	0	0	0	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>174</b>	<b>1.515</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>174</b>	<b>1.515</b>	<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2017	TO: JS2 - P4 - P6	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Bằng - ĐToàn - ĐANG -	ETA: 09:30
Hồng - 2		T.Hiếu	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BINH MINH	JS2		1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	CLIFFORD FERNANDES ARCANJO	JS2	79-80	2	12		84	KHOAN	Indian
3	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	77-78	2	13	40	70	KHOAN	Indian
4	IKHSAN PUTRA IBRAHIM	JS2		3	17		90	KHOAN	Singapore
5	NGUYEN MANH CHUONG	JS2		2	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	LE DANG KHOA	JS2	92	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG THUAT	JS2	91	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	TRUONG TIN	JS2	76	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
9	DINH VAN LAM	JS2	93	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	LAI HUU HOANG	JS2	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN TUONG	JS2	94	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LOP	JS2	74-75	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
13	CAPUNIN A	JS2	90	1	11		90	KHOAN	Russian
14	PHAN NGOC TIEN	JS2		1	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO TRỌNG HIEN	JS2	73	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
16	MAI VAN DUONG	JS2	72	1	17		80	KHOAN	Vietnamese
17	ĐANG VAN CHUNG	JS2	88-89	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN ĐÔNG	P4	03	1	3		61	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THE NAM	P4	04	1	3		53	PSV	Vietnamese
20	HOANG ANH TIEN	P4		1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ TIEN DUNG	P4	06-07	2	12	40	76	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH HAI ĐANG	P4	08-09	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	17	24	148	1.237	40	14		
2	P4	5	7	35	330	40	6		
3	P6	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>31</b>	<b>183</b>	<b>1.567</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>183</b>	<b>1.567</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2017	TO: PPD - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - NNam	ETA: 11:20
vang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUC NGOC	PPD	56	1	4		69	KHI	Vietnamese
2	LE NGOC SON	PPD	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG NGOC THANH	PPD	48	1	5		95	KHI	Vietnamese
4	VU THANH BINH	PPD	51	1	4		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	52	1	4		65	KHI	Vietnamese
6	PHUNG VAN CHINH	PPD	50	1	5	75	80	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN HUY SON	PPD	55	1	24		75	KHI	Vietnamese
8	LE THANH TUNG	PPD					82	KHI	Vietnamese
9	DO VAN THANH	PPD	49	1	5		80	KHI	Vietnamese
10	NG CONG HIEN	PPD	53	1	5		57	KHI	Vietnamese
11	BUI THANH	PPD	47	1	3		63	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN DUC HOA	PPD	54	1	5		65	KHI	Vietnamese
13	PHAM BINH NAM	RP3	53	1	6		62	KHI	Vietnamese
14	NGO SY THANH	RP3	61	1	11	2	78	KHI	Vietnamese
15	PHAM DUC TOAN LOC	RP3	56	1	10		75	KHI	Vietnamese
16	PHAM CONG THAI	RP3	58	1	7		65	KHI	Vietnamese
17	HUYNH NAM LONG	RP3	55	1	10		67	KHI	Vietnamese
18	DOAN VAN TRUC	RP3	57	1	8		64	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TRINH	RP3	59-60	2	10		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG ANH	RP3	54	1	6		67	ANTOAN	Vietnamese
21	THAI DOAN BINH	RP3	62-63	2	21		75	NIPI	Vietnamese
22	LE KIM SONG	RP3	65-66	2	14		60	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	11	69	876	75	0		
2	RP3	10	13	103	683	2	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>172</b>	<b>1.559</b>	<b>77</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>172</b>	<b>1.559</b>	<b>77</b>			

**GRAND TOAL: 1.808 KGS**

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2017	TO: P4 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LHai - VThang - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH ĐỨC	P4	30	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN HUY	P4	45	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HONG LINH	P4	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC TRI	P4	44	1	5	100	70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE THANH BINH	P4	42	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
6	HA QUOC VIET	P4	33	1	2		70	KHI	Vietnamese
7	PHAM MONG THANH	P4	39	1	5		62	KHI	Vietnamese
8	BRATCHIK A.C	P4	48	1	12		93	KHI	Russian
9	KOLECHIK A.IO	P4	47	1	12		90	KHI	Russian
10	TRUONG THANH GIAP	P4	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	PHAM TRAI	P4	46	1	4		75	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	49	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	TA XUAN HIEU	P4	36	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	PHAM ĐỨC HIỆP	P4	35	1	2		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VIET NGOC	P4	38	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	VU DINH CUONG	P4	31	1	4		78	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN MINH CANG	P4	40	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	LE TRUNG LAM	P4	37	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TAI	P4	41	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	PHAN DINH NHAM	P4	34	1	3		70	KHI	Vietnamese
21	DANG THANH HOANG	CTK3	08	1	5		70	SANBAY	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	02	1	6	65	70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	20	118	1.442	100	13		
2	CTK3	2	2	11	140	65	9		
TOTAL		22	22	129	1.582	165	22		
WEIGHT KG				129	1.582	165			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-Sep-17	TO: PPD - P11 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Thanh - Khang - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO CHUNG KIEN	PPD	32	1	5	55	62	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	29-30	2	10		68	KHI	Vietnamese
3	TRINH VAN SAC	PPD	21	1	3		75	KHI	Vietnamese
4	PHAM HAI QUANG	PPD	22	1	4		78	KHI	Vietnamese
5	HOANG MINH HIEU	PPD	24	1	6		60	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TA	PPD	28	1	4		71	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN VU	PPD	25-26	2	12		76	KHI	Vietnamese
8	TRINH CONG BINH	PPD	23	1	6		65	KHI	Vietnamese
9	LE VAN LONG	PPD	27	1	3		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC ANH	PPD	35	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	DOAN VIET DIEP	PPD	36-37	2	8		64	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN MINH VIEN	PPD	34	1	10		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THU	PPD	31	1	7		62	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HA NIN	PPD	33	1	7		74	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRONG	P11	45	1	15	80	82	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN NGHI	P11	44	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI QUOC CUONG	P11	47	1	8		52	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN TIEP	P11	46	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	13	1	2		78	KHI	Vietnamese
20	LE VAN MANH	P4					60	KHI	Vietnamese
21	PHAAM THANH BINH	P4	14	1	9		86	ANTOAN	Vietnamese
22	LUU DINH THAI	P4	12	1	4		56	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	17	90	972	55	4		
2	P11	4	4	45	277	80	5		
3	P4	4	3	15	280	0	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>150</b>	<b>1.529</b>	<b>135</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>150</b>	<b>1.529</b>	<b>135</b>			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-Sep-17	TO: PPD - CLO - TTC3	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Bằng - ĐToàn - ĐANG -	ETA: 13:30
TRANG-3		T.Hiếu	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ THẾ BAO	PPD	80	1	12		70	KHI	Vietnamese
2	TRINH XUAN HUYEN	PPD	64	1	4		70	KHI	Vietnamese
3	ĐANG HUY KHANH	PPD	81	1	7		78	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN ANH SON	PPD	72	1	7	30	67	KHI	Vietnamese
5	LUONG MANH DUONG	PPD	76	1	6	90	60	KHI	Vietnamese
6	VU NGOC TUAN	PPD	77	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	ĐOAN DUY HUNG	PPD	63	1	8		85	KHI	Vietnamese
8	LÊ THANH TRUNG	PPD	78	1	5		60	KHI	Vietnamese
9	BUI ĐANG TIEN	PPD	79	1	15		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG NAM	PPD	69	1	8		62	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	70	1	8		72	KHI	Vietnamese
12	ĐOAN MẠNH TOAN	PPD	71	1	3		85	KHI	Vietnamese
13	HÀ VĂN CẢNH	PPD	68	1	10		62	KHI	Vietnamese
14	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	65	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	HỒ XUÂN THĂNG	PPD	82-84	3	10		65	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUNG	PPD	87-88	2	15		72	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN NHỰT BẰNG	PPD	73-74	2	14		75	KHI	Vietnamese
18	ĐANG QUANG DUONG	PPD	86	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN THANH ĐO ĐANG KHOA	PPD	85	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO MINH ĐỨC	PPD	66	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN ĐANG NAM	PPD	67	1	3		66	PSV	Vietnamese
22	PHẠM VĂN NAM	PPD	75	1	5		60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	26	174	1.526	120	16		
2	CLO	0	0	0	0	0	1		
3	TTC3	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>174</b>	<b>1.526</b>	<b>120</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>174</b>	<b>1.526</b>	<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/09/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1-AMID	7:25	3+7	0		22	0	
2		AMD	9:25	0	0		22	0	

TTĐBSX

Ghi Chú : 1/2 CHUYẾN AMD ĐỂ ĐƯA NGƯỜI VỀ.



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 15-Sep-17	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	TO: AMD	CREW: Vậ n - CHIẾN - THỤ	ETA: 11:10

ROUTE: VT - AMD - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
<b>SECTOR 1 : VT - AMD</b>								
1	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	22	WT:	0	0
	<b>TOTAL</b>	<b>0</b>						

## FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)	
1						
<b>REMARK :</b>					PAX.WEIGHT	0
					BAG.WEIGHT	0
					CARGO WEIGHT	0
					<b>TOTAL</b>	<b>0</b>

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX:
2. FREIGHT \$ BAG:



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/09/2017	TO: TD1 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MITTAL ANKUR	TD1	76-77	2	17		83	KH-THAC	Indian
2	KABHARI PRAPUL HASHA	TD1	78-79	2	17		76	KH-THAC	Indian
3	TRAN VAN LE	TD1	75	1	10		67	KH-THAC	Malaysian
4	TRẦN NGUYỄN ĐAN	AMD	65-67	3	15		60	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN YEN	AMD	59	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUNG	AMD	55-56	2	10		95	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN CÔNG	AMD	58	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SINH CO	AMD	57	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ TUẤN KHANH	AMD	61	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DUNG	AMD	62	1	4	6	69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HOANG	AMD	60	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	5	44	226	0	0		
2	AMD	8	11	64	579	6	22		
TOTAL		11	16	108	805	6	22		
WEIGHT KG				108	805	6			

GRAND TOAL: 919 KGS

VSP REP:

VNH REP.

CAPTAIN

ID VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/09/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	TD1+DD8+PVD1	7:25	14+6+2	0+0+0		14+0+5	0+0+0	
2	424	C10+TD2+TD5	7:25	18+4	0+0		15+7	0+0	
3	426	P3+TD1+TGTH4	9:25	16+5+0	0+0+0		0+5+5	0+0+0	

TPBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2017	TO: TD1 - DD8 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - VTHU - NNam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEVCHENKO D.I	TD1	95-96	2	12		90	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN DUNG	TD1	86	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
3	TRUONG HOANG KHANH	TD1	85	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
4	VU DINH PHONG	TD1	89-90	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH THUY	TD1	83	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LANG	TD1	81	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGOC QUANG	TD1	80	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DUNG	TD1	88	1	5	90	70	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN NGUYEN	TD1	91	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH SON	TD1	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	VU MANH HAI	TD1	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG LAM	TD1	84	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN ĐÔNG	TD1	92	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
14	THAI VIET ĐINH	TD1	93-94	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
15	KURPASOV	DD8	74	1	7		74	KHOAN	Russian
16	MAI VAN VIEN	DD8	75	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN QUANG VU	DD8	76	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN AN NINH	DD8	95	1	15		90	KHOAN	Vietnamese
19	VÔ TRỌNG NHIÊN	DD8	93-94	2	9		55	KHOAN	Vietnamese
20	VU DINH LOI	DD8	76	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	VU THE HUNG	PVD1	82	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NAM	PVD1	80-81	2	7		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	17	88	957	90	14		
2	DD8	6	7	58	415	0	1		
3	PVD1	2	3	17	140	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>163</b>	<b>1.512</b>	<b>90</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>163</b>	<b>1.512</b>	<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16-Sep-17	TO: CLO - TD2 - TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hiếu - ĐANG	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI DUC LUAN	CLO	90	1	5	24	79	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM DINH LO	CLO				43	60	KHOAN	Vietnamese
3	MAI VAN HOI	CLO					73	KHOAN	Vietnamese
4	LE MINH HOANG	CLO	500	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY NAM	CLO	89	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN VINH	CLO	94-95	2	19		73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LOI	CLO	97	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG VAN ĐO	CLO	93	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO THANH LIEM	CLO	99	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUANG HUY	CLO	98	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VAN VIET	CLO	92	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH CUONG	CLO	91	1	12		53	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DAN	CLO					80	CODIEN	Vietnamese
14	BUI KIM NGOC	CLO					70	CODIEN	Vietnamese
15	PHI HONG MANH	CLO	50-51	2	15		71	CODIEN	Vietnamese
16	PHAN ĐANG TUAN	CLO	88	1	10		57	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	CLO	86	1	14		74	DVL	Vietnamese
18	TRUONG DINH VINH	CLO	96	1	10		75	DVL	Vietnamese
19	ZHIGALO V.A	TD2	10	1	10	23	102	KHOAN	Russian
20	HOANG ANH ĐUC	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
21	VU VAN KHUE	TD2					60	DVL	Vietnamese
22	VO XUAN THIEU	TD2	14	1	15		65	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	16	123	1.270	67	15		
2	TD2	4	2	25	302	23	6		
3	TD5	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>18</b>	<b>148</b>	<b>1.572</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>148</b>	<b>1.572</b>	<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16-Sep-17	TO: P3 - TD1 - TGTH4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - VTHU - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	P3	13	1	17		64	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HAM CHUNG	P3	12	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
3	HAN TRICH GIANG	P3	20	1	12	30	75	XAYLAP	Vietnamese
4	LE BICH ANH	P3	04	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
5	LE NGOC CUONG	P3	01-02	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	VO VAN SON	P3	06	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
7	DOAN QUANG TRUNG	P3	07-08	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI DINH THO	P3	19	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐANG MINH HUNG	P3	18	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
10	HA VAN NHIEM	P3	14	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HUU THINH	P3	11	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI SON HAI	P3	05	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VIET MINH	P3	15-16	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
14	HUYNH KY MINH TUAN	P3	09-10	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CHINH	P3	17	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
16	VU THANH TIEN	P3	03	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
17	NGO THUAN THANH	TD1	95-96	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HAI LAM	TD1	94	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
19	DOAN VAN MUOI	TD1	93	1	9	25	62	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH VU TINH	TD1	92	1	8		70	DVL	Vietnamese
21	PHAM HOA VIET	TD1	97-98	2	16		64	YTE	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	16	20	215	1.074	30	0		
2	TD1	5	7	56	333	25	5		
3	TGTH4	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>27</b>	<b>271</b>	<b>1.407</b>	<b>55</b>	<b>10</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>271</b>	<b>1.407</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN